

NÉT VĂN HÓA ĐỘC ĐÁO CỦA LỄ HỘI ĐÌNH TRÀ CỎ

Phan Thị Huệ^{1*}

¹*Trường Đại học Hạ Long*

* *Email: phanthihue@daihochalong.edu.vn*

Ngày nhận bài: 09/02/2022

Ngày nhận bài sửa sau phân biện: 18/03/2022

Ngày chấp nhận đăng: 22/03/2022

TÓM TẮT

Nằm trong dòng chảy của lễ hội truyền thống ven biển Bắc Bộ, lễ hội đình Trà Cỏ có sự tương đồng với lễ hội truyền thống Việt Nam nói chung, song vẫn mang nhiều nét riêng của địa phương - một vùng đất nơi địa đầu tổ quốc. Bài viết giới thiệu khái quát nguồn gốc lễ hội đình Trà Cỏ, đi sâu phân tích những nét văn hóa độc đáo của lễ hội thông qua một số lễ vật dâng cúng, nghi lễ và trò chơi dân gian tiêu biểu của lễ hội đình Trà Cỏ thuộc phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Từ khóa: *lễ hội đình Trà Cỏ, nét độc đáo, thành phố Móng Cái, văn hóa biển, văn hóa dân gian*

THE UNIQUE CULTURAL FEATURES OF THE TRA CO COMMUNAL HOUSE FESTIVAL

ABSTRACT

Pertaining to the flow of traditional festivals along the coast of Northern Vietnam, Tra Co communal house festival illustrates the similarities with traditional Vietnamese festivals in general, but still contains plentiful unique features of the locality - a border area of Vietnam. This paper briefly introduces the origin of the Tra Co communal house festival and analyzes the unique cultural features of the festival through some typical offerings, rituals, and folk games of the communal house festival in Tra Co ward, Mong Cai city, Quang Ninh province, Vietnam.

Keywords: *folklore, Mong Cai city, marine culture, Tra Co communal house festival, unique features*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh được biết đến là nơi đặt nét bút đầu tiên của chữ S trên bản đồ Việt Nam (mũi Sa Vỹ), nơi có bãi biển Trà Cỏ “trữ tình nhất Việt Nam”, có bãi cát Hòn Mang cùng nhiều di tích nổi tiếng như nhà thờ Trà Cỏ, chùa

Vạn Linh Khánh (tên gọi khác là chùa Nam Thọ), đình Trà Cỏ... Trà Cỏ là địa phương lưu giữ nhiều nét văn hoá truyền thống độc đáo của cư dân miền biển được thể hiện qua các phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng... trong đó có lễ hội đình Trà Cỏ.

Lễ hội đình Trà Cỏ là một sinh hoạt văn

hoá dân gian đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng mang tính truyền đời của người dân Trà Cổ nhắc nhở thế hệ trẻ nhớ về nguồn cội, khơi dậy đạo lý “Uống nước nhớ nguồn và giáo dục người dân có ý thức trong thi đua chăn nuôi đạt năng suất cao (Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ninh, 2005). Lễ hội đình Trà Cổ không chỉ mang biểu tượng văn hóa thuần Việt mà còn mang nhiều nét văn hóa độc đáo của người dân vùng biển, vùng biên giới thông qua lễ vật dâng cúng, các nghi lễ, trò chơi dân gian tiêu biểu. Ngày nay, lễ hội đình Trà Cổ là một trong những điểm nhấn về sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh của thành phố Móng Cái.

Bài báo này không giới thiệu đầy đủ các nghi lễ, các trò chơi dân gian diễn ra trong lễ hội, mà chỉ đi sâu phân tích, làm rõ những nét độc đáo của lễ hội, giúp người đọc hiểu và cảm nhận một cách sâu sắc những giá trị văn hóa phi vật thể của lễ hội đình Trà Cổ. Từ đó nhắc nhở mỗi người dân đất Việt nói chung, mỗi người dân Trà Cổ nói riêng ghi nhớ, gìn giữ, bảo tồn và phát huy những nét văn hóa truyền thống, vốn có của dân tộc.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Tìm hiểu, tiếp cận và kế thừa các tài liệu, công trình nghiên cứu có liên quan đến lễ hội đình Trà Cổ.

Phương pháp điền dã dân tộc học: Tham dự lễ hội đình Trà Cổ để quan sát, ghi chép, ghi hình và chụp ảnh các hoạt động diễn ra trong phần lễ và phần hội của lễ hội. Bên cạnh đó, tác giả còn phỏng vấn, trao đổi với một số người trong Ban tổ chức lễ hội, với Cai đám, với người dân địa phương và một số nhà quản lý văn hóa để thu thập thông tin tư liệu chính xác, hiểu sâu hơn về nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị của lễ hội, nét văn hóa độc đáo của lễ hội đình Trà Cổ.

Phương pháp so sánh: Chỉ ra sự giống và khác nhau giữa lễ hội đình Trà Cổ và các lễ hội khác có cùng nguồn gốc với lễ hội đình Trà Cổ (lễ hội đình Trảng Vỹ, lễ hội đình Bình Ngọc và lễ hội đình Cẩm Hải).

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Nguồn gốc lễ hội đình Trà Cổ

Tương truyền vào thời Hậu Lê (năm 1461), có 12 gia đình dân chài từ Đồ Sơn (Hải Phòng) đi đánh cá gặp giông tố lớn bị trôi dạt vào một bán đảo hoang vu ở ven biển phía bắc. Thấy nơi này cây cối quanh năm xanh tốt, họ đã ở lại sinh cơ lập nghiệp. Tuy nhiên, có sáu gia đình không chịu được cuộc sống gian khó nơi đầu sóng nên bỏ về quê; sáu gia đình còn lại khai khẩn đất hoang, lập nên một làng mới và họ không quên hương về quê cũ nên đã lấy tên làng Trà Phương và Cỏ Trai (Đồ Sơn) ghép thành Trà Cổ đặt tên cho quê hương mới của mình. Sau khi tạ thế, sáu người đàn ông là chủ của các gia đình này được dân làng tôn làm Thành hoàng và được thờ tại đình Trà Cổ. Người Trà Cổ có câu “Người Trà Cổ, tổ Đồ Sơn” lưu truyền qua các thế hệ chính là răn dạy con cháu nhớ đến gốc gác tổ tiên của mình.

Để tưởng nhớ công lao của sáu vị Thành hoàng có công lập nên làng Trà Cổ, cầu mong trời đất, các vị thần mang lại những điều tốt lành cho dân làng, cầu cho mùa màng tốt tươi, đời sống ấm no, hạnh phúc, hằng năm, dân làng tổ chức lễ hội đình Trà Cổ từ ngày 30 tháng 5 (nếu tháng thiếu thì tổ chức từ 29/5) đến ngày 3 tháng 6 âm lịch. Các nghi lễ của lễ hội đình Trà Cổ được thực hiện chủ yếu tại đình Trà Cổ, chùa Vạn Linh Khánh, miếu Đồi nhưng không gian lễ hội bao trùm cả khu vực phường Trà Cổ và các vùng lân cận (Phan Thị Huệ, 2018).

3.2. Nét độc đáo của lễ hội đình Trà Cổ

Lễ hội đình Trà Cổ diễn ra trong 4 ngày. Các hoạt động diễn ra trong phần lễ và phần hội của lễ hội đình Trà Cổ có sự tương đồng với lễ hội truyền thống Việt Nam nói chung, song vẫn mang nhiều nét văn hóa độc đáo riêng của địa phương.

3.2.1. Lễ vật dâng cúng

Thứ nhất, “Ông Voi”: Linh vật của thần, biểu tượng văn hóa mang tính truyền đời của người dân nơi địa đầu Tổ quốc

Trong cộng đồng các tộc người ở Việt Nam, lợn là con vật gắn bó với hoạt động tín ngưỡng của nhiều tộc người. Tùy theo mỗi tộc người, mỗi hoạt động tín ngưỡng mà con lợn được thể hiện khác nhau. Trong lễ hội, lợn là vật phẩm không thể thiếu, song vượt lên tất cả các tín ngưỡng, ở lễ hội đình Trà Cổ, lợn được gọi là Ông Voi và là linh vật của thần, biểu tượng văn hóa độc đáo, sống động của vùng đất nơi địa đầu Tổ quốc.

Để có Ông Voi châu thần, người dân họp bàn chuẩn bị trước đó một năm. Tối ngày 1/6 âm lịch của lễ hội năm trước, dân làng bầu chọn ra 12 ông Cai đám (là người địa phương, có tư chất đạo đức tốt, uy tín với làng xã, có con trai, con gái, gia đình hạnh phúc, không vướng chuyện tang ma., mỗi nam giới vinh dự được làm Cai đám một lần duy nhất trong đời). Mỗi Cai đám sẽ mua một con lợn đực thuộc giống lợn i Móng Cái) và nuôi với các tiêu chí tai to, móng nở, mình dài. Khi được nuôi ở nhà Cai đám, lợn không được gọi là lợn mà phải gọi là Ông Voi. Hàng ngày, Ông Voi được chăm sóc cẩn thận, chuồng nuôi lúc nào cũng sạch sẽ, thức ăn là cháo và rau sạch, khi ngủ phải mắc màn để tránh ruồi muỗi. Trong quá trình nuôi, chẳng may, Ông Voi bỏ bữa, gia đình Cai đám phải làm mâm lễ ra đình khấn tạ, cầu cho Ông Voi khỏe lại.

Đến ngày tổ chức lễ hội, chiều 30/5 âm lịch, dân làng tổ chức lễ Thịnh sinh với lễ vật dâng cúng là Ông Voi châu thần. Ông Voi được tắm nước lá thơm nấu từ lá hương nhu, lá sả và vỏ bưởi, được trang điểm bằng cách bôi phẩm đỏ hoặc giấy đỏ vào da để được hồng hào. Ông Voi được rước ra đình bằng xe kéo nhỏ hoặc cũi được sơn màu đỏ hoặc màu hồng bên trên có lợn hồng. Đi sau Ông Voi là phường ngũ nhạc và các mâm lễ. 12 Ông Voi của 12 Cai đám được đưa đến sân đình châu ở hai bên cửa chính của đình, đầu hướng vào phía trong (Hình 1).

Các Ông Voi được xếp thành hai hàng chắn lễ theo thứ tự nhất đông, nhị nam, nghĩa là Ông Voi của Cai đám trưởng xếp đầu tiên ở phía đông, sau đó là Ông Voi của các Cai đám khác theo thứ tự chẵn lẻ. Ông đám trưởng cắt một nhúm lông ở gáy các Ông Voi

bỏ vào đĩa đặt lên bàn thờ để khấn thần. Lễ xong, Ban tổ chức dùng thước đo chiều dài Ông Voi (từ trán đến khấu đuôi), đo vòng ức, cân nặng từng Ông Voi, lựa chọn Ông Voi có da dẻ hồng hào, thân dài, vòng cổ to, đẹp và nặng để xếp giải theo thứ tự nhất, nhì, ba (Phan Thị Huệ, 2018).



Hình 1. Các Ông Voi được xếp thành hai hàng ở sân đình để châu thần

Các Ông Voi ở lại sân đình suốt đêm, đến sáng 1/6, Ban tổ chức trao giải cho Cai đám có Ông Voi đạt giải (giải không có ý nghĩa về vật chất nhưng có ý nghĩa lớn về tinh thần, là niềm vinh dự tự hào của cả gia đình Cai đám năm đó). Đến lễ Tiến sinh, tiễn các Ông Voi trở lại nhà Cai đám. Sau khi hoàn tất nghi lễ, ông Đám trưởng mang đĩa đựng lông gáy của các Ông Voi cắt từ hôm trước đặt ở góc đa cạnh sân đình. Ông Voi đạt giải Nhất được mổ, nấu thành cỗ tế thần và khao làng vào chiều ngày 2/6 âm lịch (lễ Hạ cố ngồi đình); còn lại 11 Ông Voi, ngay sau cuộc thi, không phải kiêng kỵ nữa mà trần trụi trở lại tên tục ban đầu là lợn. Khi đó, gia đình Cai đám có thể giữ lại để nuôi tiếp hoặc giết thịt khao họ hàng, làng xóm hoặc có thể bán cho thương lái.

Việc nuôi, chăm sóc Ông Voi, tục thi Ông Voi và các nghi lễ với lễ vật dâng thần là Ông Voi được coi là biểu tượng văn hóa của đất và người vùng biên gắn với nghề chăn nuôi. Điều này được thể hiện qua tên gọi, tiêu chí, số lượng Ông Voi và các quy định trong nghi lễ Ông Voi châu thần, tế thần như sau:

Về tên gọi Ông Voi và ý nghĩa tượng trưng: Theo quan niệm của người dân nơi đây, voi là con vật thể hiện cho sức mạnh, sự cường tráng. Do vậy, châu thần phải có voi

và để có voi châu thần, người dân Trà Cổ đã chọn lợn, làm con vật thay thế. Lợn được nuôi làm lễ vật châu thần được gọi một cách trịnh trọng là Ông Voi. Ông Voi là vật thiêng tượng trưng cho các vị Thành hoàng cưới voi làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra khu vực bờ biển, bảo vệ vùng biển quê hương, thể hiện ước vọng của ngư dân mong các vị Thành hoàng bảo vệ che chở và gặp may mắn trong những chuyến ra khơi, đồng thời cũng là biểu tượng tinh thần của lễ hội “lập làng giữ nước”.

Về tiêu chí chọn Ông Voi: Ông Voi phải là lợn đực, thuộc giống lợn i Móng Cái, thân hình cân đối, tai to, móng nở, mình dài. Các tiêu chí này đều thể hiện tính dương, thể hiện sức mạnh điển hình của giống đực (khả năng truyền giống), và là biểu tượng của sự phồn sinh và sung mãn.

Về số lượng Ông Voi, thời gian nuôi Ông Voi và thời gian châu thần: Số lượng Ông Voi châu thần là 12 và phải nuôi đủ 12 tháng (tức là phải nuôi ngay sau khi kết thúc lễ hội năm trước để đến hội năm sau mang ra đình châu thần và thi). Cùng với đó, thời gian châu thần tối thiểu 12 giờ (từ chiều 30/5 đến sáng ngày 1/6). Phải chăng con số 12 mang ý nghĩa tượng trưng cho 12 tháng trong năm, đồng thời cũng mang hàm ý biểu trưng cho 12 gia đình đã tìm ra bán đảo Trà Cổ năm xưa.

Về tục thi Ông Voi: Tiêu chí chấm điểm Ông Voi nào to nhất, đẹp nhất sẽ đạt giải Nhất được làng chọn để tế thần thể hiện nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa gắn liền với lao động sản xuất, đồng thời mang hàm ý nhắc nhở người dân bảo tồn, giữ gìn nguồn gen quý giống lợn i Móng Cái góp phần thúc đẩy nghề chăn nuôi phát triển.

Ông Voi được coi là linh vật của thần, các nghi lễ chính của lễ hội đều xoay quanh vật chủ tế thần là Ông Voi. Ông Voi dâng thần cả khi sống và khi chết, thậm chí cả tượng Ông Voi. Ông Voi châu thần trong lễ Thánh sinh phải đang sống khỏe mạnh, được trang trí đẹp, khi châu ngoài sân đình, đầu hướng về phía ban thờ nơi đặt bài vị của các vị Thành hoàng. Ông Voi tế thần trong lễ Hạ cố ngôi đình là đầu Ông Voi đạt giải Nhất được luộc chín. Ông Voi hộ tống thần trong lễ Nghinh thần (tượng Ông Voi được làm bằng

gỗ) được các nam thanh niên khiêng đi sau kiệu thần. Tất cả đều thể hiện sự thành kính, ngưỡng vọng, thần phục của dân làng muốn gửi gắm đến các vị Thành hoàng được thờ cúng trong lễ hội, là biểu tượng văn hóa mang tính truyền đời của người dân nơi địa đầu Tổ quốc (Trần Trương, 2021).

Việc thụ hưởng lộc từ lễ vật Ông Voi (Ông Voi đạt giải Nhất được mổ để khao làng): Lễ khao làng được tổ chức tại đình trong không khí vui vẻ, đoàn kết không phân biệt vị trí xã hội góp phần gắn kết cộng đồng làng xã ngày càng bền chặt. Người dân Trà Cổ tin rằng, việc hưởng lộc sẽ giúp cho mỗi gia đình năm mới được no đủ, sung túc đúng với ý nghĩa cao đẹp của lễ hội: cầu cho quốc thái, dân an, cầu cho toàn gia trăm họ an khang, thịnh vượng.

Thứ hai, lễ vật dâng thần: Sắc màu văn hóa ẩm thực của người Trà Cổ, thể hiện sự trang nghiêm thành kính với các vị Thành hoàng

Ngoài Ông Voi được coi là linh vật của thần, lễ vật dâng thần trong lễ hội đình Trà Cổ còn có nhiều lễ vật khác vô cùng độc đáo, được dân làng lựa chọn từ những sản vật địa phương, được chế biến theo quy trình đặc biệt để tạo nên những món ăn thơm ngon, tinh khiết, hay được cách điệu thành hình tứ linh, được trang trí đẹp.

Hoa quả dâng thần trong lễ Rước mâm hoa quả và cây đèn thần từ chùa Vạn Linh Khánh về đình Trà Cổ gồm nhiều loại trái cây tươi, ngon, bắt mắt, được xếp thành hình long phượng tượng trưng cho lòng thành kính, nét tôn nghiêm của dân làng với các Thành hoàng (Hình 2).



Hình 2. Mâm hoa quả được xếp thành hình long phượng

Cỗ chay dâng thần trong lễ Rước cỗ ông Đám cũ (lễ Đại tế) gồm nhiều loại bánh như bánh tày, bánh bao, bánh chưng, bánh gio, bánh tai voi, bánh quăn thừng, bánh quây, bánh nếp, bánh tẻ, bánh quả đào, chè lam... Bánh được xếp thành nhiều tầng, cao nhất là 16 tầng, thấp nhất là 2 tầng, xung quanh trang trí bằng các dải hoa.



Hình 3. Lễ vật dâng cúng được bày trên thuyền

Với cỗ mặn dâng cúng, các món ăn phải đảm bảo đủ ba loại nguyên liệu có nguồn gốc từ thực vật, động vật và hải sản do chính người dân nuôi trồng và đánh bắt. Món ăn được xếp cách điệu thành hình tứ linh long, ly, quy, phượng mang hàm ý biểu trưng cho sức mạnh phi thường, tượng trưng cho trời đất. Các món dâng cúng được điểm xuyết các quả ớt đỏ tía hoa, đu đủ nhuộm xanh đỏ, trên mâm còn rắc các sợi miến đã được nhuộm màu xanh, đỏ tượng trưng cho mây gió tạo thêm dáng cho rông. Xôi được cho vào mâm đồng, dàn thật tròn và bằng phẳng, gà được đặt lên trên tạo hình thành con rùa - một trong tứ linh. Có năm dân làng còn bày lễ vật

dâng cúng được chế biến từ những sản vật của biển trên chiếc thuyền (Hình 3). Tất cả đều thể hiện sự trang nghiêm thành kính đối với các vị thần, thành hoàng được thờ cúng tại đình.

3.2.2. Các nghi lễ

Thứ nhất, lễ Nghinh thần: Linh hồn của lễ hội, biểu trưng cho vị thần bảo vệ chõ che cho ngư dân biển

Lễ Nghinh thần là lễ rước một trong sáu vị Thành hoàng được thờ ở đình Trà Cỏ ra miếu Đôi thay cho vị Thành hoàng canh giữ miếu của năm trước về đình dự hội. Miếu Đôi là nơi ngụ của một trong các vị Thành hoàng luân phiên ra canh giữ biển hàng năm¹. Lễ Nghinh thần được tổ chức vào sáng ngày 1/6 âm lịch. Đoàn rước xuất phát từ đình Trà Cỏ qua khu Tràng Lộ, Tràng Vỹ rồi đi dọc theo bờ biển. Khi đi đoàn rước không được thấp hương, trên ngai thần có một bát gạo và hai chiếc thuyền bằng giấy, sau ngai thần có tượng Ông Voi hộ tống. Dưới biển là đội hình thuyền chạy theo đoàn rước với tiếng trống, chiêng rộn ràng tượng trưng cho đoàn rước năm xưa, đồng thời nhắc nhở con cháu nhớ về nguồn cội của mình. Đến miếu Đôi, ông mo cùng các Cai đám làm lễ cáo yết Thành hoàng, xin chân nhang để nghênh thần hồi cung (trở về đình). Lăn quay về, đoàn rước đi theo một con đường khác không theo đường cũ (Phan Thị Huệ, 2018) (Hình 4).

Việc rước Thành hoàng từ đình Trà Cỏ ra miếu Đôi bên bờ biển không chỉ mang ý nghĩa với người dân Trà Cỏ, mà còn mang giá trị tâm linh sâu sắc. Với những ngư dân đi biển đó là biểu trưng cho vị thần bảo vệ chõ che cho những ngư dân biển gặp may mắn trong những chuyến ra khơi, tôm đầy khoang, cá đầy sân như thỉnh cầu với ước mơ hướng đến cuộc sống tốt đẹp hơn. Vì vậy, nếu năm nào mưa thuận gió hòa làm ăn phát đạt thì đến ngày hội dân làng xin vị Thành hoàng ở lại miếu một năm nữa. Đây là điểm nhấn độc đáo mang diện mạo bản sắc văn hóa dân gian riêng của người dân vùng biển Trà Cỏ.

¹Miếu Đôi không chỉ là nơi ngụ của một trong các vị Thành hoàng mà còn là nơi thờ Quận He Nguyễn Hữu Cầu, một thủ lĩnh nông dân khởi nghĩa thời Lê - Trịnh,

quê ở Đồ Sơn. Vùng Đồ Sơn và Quảng Ninh là địa bàn hoạt động của nghĩa quân, theo các cụ già truyền lại, khi Nguyễn Hữu Cầu thất cơ đã về Trà Cỏ ở ẩn.



Hình 4. Đoàn rước trong lễ Nghinh thần

Thứ hai, cây đèn thần: Thể hiện sự soi sáng, ánh hào quang của các vị Thành hoàng đến muôn dân, soi đường cho ngư dân đi biển

Cây đèn được làm bằng tre, nứa, hình dáng giống kiêu cây đèn côi, được dân làng tổ chức lễ rước từ chùa Vạn Linh Khánh về đình vào chiều 30 tháng 5 âm lịch. Từ khi rước về đình, đến khi kết thúc lễ hội phải đảm bảo lửa trong cây đèn không được tắt. Người dân cho rằng nếu để đèn tắt thì năm đó công việc làm ăn của làng sẽ gặp nhiều rủi ro. Cây đèn không chỉ mang ý nghĩa là sự soi sáng, ánh hào quang của các vị Thành hoàng đến muôn dân, soi đường cho ngư dân đi biển ngày đêm mà còn giúp cho thánh thần thấy rõ những nghi lễ, lời cầu nguyện của họ được linh ứng.

Thứ ba, tục múa bông: Thể hiện tín ngưỡng phồn thực, sự giao hòa sinh sôi nảy nở của vạn vật

Cây bông là một thanh tre dài 60cm, phần dưới làm tay cầm, phần trên dán giấy xanh đỏ cắt dài, nhỏ cho xù ra. Hai cây bông được đặt trên ban thờ từ ngày vào hội đến sáng ngày 3/6. Khi hành lễ, ông mo cầm cây bông trên tay múa lúc nhanh, lúc chậm theo nhịp trống phách rộn ràng. Các động tác múa thể hiện tín ngưỡng phồn thực, sự giao hòa sinh sôi nảy nở của vạn vật.

Sau khi múa khoảng 20 phút thì trống phách đổ hồi, ông mo tung hai cây bông vào đám đông cho dân làng và các Cai đám cùng cướp. Theo quan niệm, ai cướp được cây bông sẽ sinh con trai, gặp nhiều điều may mắn trong năm. Tục múa bông còn thể hiện sự hân hoan vui mừng của người dân vì lễ hội thành công tốt đẹp (Nguyễn Thị Phương Thảo, 2014).

3.2.3. Trò chơi dân gian: Gắn với nghề chài lưới, mang đậm yếu tố biển

Trong những ngày diễn ra lễ hội, dân làng tổ chức nhiều trò chơi dân gian, trong số đó có những trò chơi gắn với nghề chài lưới (nghề tổ của người Trà Cổ) thể hiện mong ước của người dân đi biển bắt được nhiều tôm cá, ví dụ như hội đua thuyền. Thuyền đua là thuyền của ngư dân dùng để đánh cá hàng ngày trên biển. Thuyền ở đây có cách làm đặc biệt không giống ở nơi khác. Khung thuyền được làm bằng gỗ, thân thuyền được ghép lại từ các cây tre, đáy thuyền cũng được làm bằng tre có gắn các tấm xóp giúp cho thuyền không chìm. Thành viên được chọn vào đội đua là những thanh niên khỏe mạnh, sinh ra và lớn lên tại Trà Cổ. Các thuyền đua sau khi nhận lệnh, cùng xuất phát chạy tới thuyền mốc ở ngoài biển, cách bờ khoảng 1km để lấy cờ và quay về bờ (nếu thuyền nào về đến bờ và trao cờ cho Ban tổ chức trước là thuyền

đua đó thắng). Tốc độ nhanh, chậm của thuyền đua phụ thuộc vào sức mạnh từ tinh thần đoàn kết của tập thể, sự phối hợp ăn ý, nhịp nhàng, hài hòa giữa các thành viên trong đội. Đối với người Trà Cổ, đua thuyền vừa là để giải trí sau một năm lao động vất vả, vừa để giữ nghề truyền thống của ông bà, tổ tiên, thắt chặt tình làng, nghĩa xóm, thêm yêu lao động và yêu quê hương.

Cùng với hội đua thuyền, lễ hội đình Trà Cổ còn có các trò chơi khác mang đậm yếu tố nghề biển như trò chơi rút ruột biển khơi mô phỏng hình tượng dân chài kéo lưới; trò chơi bịt mắt chém cá chình (cá chình biển là loài cá đặc sản có giá trị kinh tế cao); đi cà kheo (cà kheo là một dụng cụ mưu sinh gắn liền với các ngư dân miền biển, giúp họ "cát te", "đi xèo" và "quăng chài"). Các trò chơi dân gian này mang ý nghĩa rèn sức khỏe, sự phối hợp nhịp nhàng tay chân, rèn kỹ năng di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, khả năng phán đoán, và cầu mong thần biển các vị Thành hoàng che chở, phù hộ cho ngư dân đánh bắt được nhiều tôm cá (Trần Tương, 2021).

3.2.4. Lễ hội đình Trà Cổ không chỉ được tổ chức tại đình Trà Cổ mà còn được tổ chức tại một số ngôi đình khác và là cột mốc văn hóa Việt miền biên ải, có sức sống trường tồn mãi mãi

Lễ hội đình Trà Cổ không chỉ được tổ chức tại đình Trà Cổ mà còn được tổ chức tại một số ngôi đình khác và là cột mốc văn hóa Việt miền biên ải, có sức sống trường tồn mãi mãi. Lễ hội đình Trà Cổ đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân nơi đây, cứ tháng sáu về, mỗi người con Trà Cổ lại nhớ về cội nguồn của mình. Cho dù làng xã có bị phân chia thành các đơn vị hành chính khác nhau, hay sinh sống ở một nơi khác thì con cháu vẫn hướng về quê cũ thông qua việc dựng đình làng và tổ chức lễ hội. Vì vậy, đến ngày hội, không chỉ có người dân hiện đang sinh sống ở Trà Cổ tổ chức lễ hội tại đình Trà Cổ, mà còn có ba lễ hội với tên gọi khác được con cháu tổ chức ở đình làng, tại nơi ở mới trên địa bàn thành phố Móng Cái và thành phố Cẩm Phả.

Làng Trà Cổ xưa được chia tách thành ba làng: làng Trà Cổ, làng Trảng Vỹ (được tách vào năm 1810, nay gọi là khu Trảng Vỹ thuộc phường Trà Cổ), làng Bình Ngọc (được tách vào năm 1910, nay là phường Bình Ngọc) (Thu Hằng, 2020). Để đáp ứng nhu cầu tâm linh tín ngưỡng, người dân ở Trảng Vỹ, Bình Ngọc đã dựng đình mới và rước chân hương các vị Thành hoàng ở đình Trà Cổ về đình Trảng Vỹ, đình Bình Ngọc, đến ngày lễ hội thì tổ chức riêng. Tuy nhiên, trải qua biến động của tự nhiên, của chiến tranh, đình Trảng Vỹ và đình Bình Ngọc có thời kỳ bị tàn phá, khi đó, người dân ba làng này lại tổ chức lễ hội chung tại đình Trà Cổ. Sau này, chính quyền địa phương phục dựng lại ngôi đình trên nền đình cũ: đình Trảng Vỹ phục dựng xong năm 1993, đình Bình Ngọc được phục dựng xong vào năm 2019. Khi đình phục dựng xong, dân làng ở hai làng lại tách ra tổ chức lễ hội riêng.

Ngoài ra, vào năm 1979, một số người dân thuộc hai thôn Trảng Lộ, Trảng Vỹ (thuộc Trà Cổ, Móng Cái) di cư về xã Cẩm Hải (thành phố Cẩm Phả) để tránh cuộc chiến tranh biên giới. Tại nơi ở mới, dân làng góp tiền, góp công xây dựng ngôi đình mới đến năm 1980 đình làng Cẩm Hải được khánh thành và tổ chức lễ hội đình Cẩm Hải (Đào Thảo, 2017).

Vì có chung cội nguồn, cùng chung đối tượng thờ cúng là sáu vị Thành hoàng và các vị thần nên hoạt động ở phần lễ và phần hội của các lễ hội này cơ bản giống như lễ hội đình Trà Cổ và đều bắt đầu từ ngày 30/5 âm lịch (nếu tháng thiếu là 29/5). Tuy nhiên, xuất phát từ quan niệm và điều kiện cụ thể, lễ hội của mỗi địa phương lại có một số điểm khác như: (1) thời gian tổ chức lễ hội đình Bình Ngọc, lễ hội đình Cẩm Hải diễn ra trong 3 ngày (từ 30/5 - 2/6 âm lịch, rút ngắn một ngày so với lễ hội đình Trà Cổ); (2) số lượng Cai đám và Ông Voi chầu thần trong lễ hội đình Trảng Vỹ và lễ hội đình Cẩm Hải giảm một nửa tức là có sáu Cai đám và sáu Ông Voi (mang hàm ý biểu trưng cho sáu gia đình ở lại làng lập nên làng Trà Cổ).

Như vậy, từ lễ hội đình Trà Cổ (lễ hội chính), đến nay có thêm ba lễ hội khác được tổ chức ở những ngôi đình khác (trong đó lễ hội đình Tràng Vỹ, lễ hội đình Bình Ngọc đều nằm trên địa bàn thành phố Móng Cái cách đình Trà Cổ trong bán kính chưa đến 5km). Từ năm 2014, lễ hội đình Trà Cổ được thành phố Móng Cái nâng cấp trở thành lễ hội quy mô cấp thành phố, là một trong những điểm nhấn về sản phẩm du lịch văn hóa độc đáo của thành phố Móng Cái. Vì vậy người tham dự lễ hội không chỉ là dân làng thuộc con cháu của sáu vị Thành hoàng mà còn mà còn có sự hiện diện của đại diện lãnh đạo địa phương, cán bộ quản lý văn hóa; mấy năm gần đây còn mời thêm một số đại biểu đến từ xã bạn (gốc Việt người Hoa, bên Trung Quốc đến tham dự như: Vạn Vĩ, Sơn Tâm và Vu Đầu (gốc Việt người Hoa), đặc biệt là có sự tham dự của du khách trong nước và quốc tế. Những điều này, cho thấy lễ hội đình Trà Cổ ngày càng có sự lan tỏa, được nhiều người biết đến, đồng thời khẳng định sâu sắc giá trị cốt lõi chủ quyền, cốt lõi văn hóa nơi biên ải, mang sức sống trường tồn mãi mãi không lễ hội nào có được.

4. KẾT LUẬN

Gần 600 năm tồn tại cùng đời sống sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, trải qua bao thăng trầm biến cố lịch sử, lễ hội đình Trà Cổ có thời gian đã bị mai một và sau đó được phục dựng lại (năm 1993). Mặc dù vậy, lễ hội vẫn giữ được những giá trị văn hóa thuần Việt, những nét văn hóa độc đáo đặc sắc riêng có của người dân vùng biển. Lễ hội không chỉ có ý nghĩa đối với người dân địa phương mà còn có sự thu hút, hấp dẫn đặc biệt với khách du lịch trong nước và nước ngoài. Lễ hội đình Trà Cổ đã khẳng định được sức sống trường tồn, là “cốt lõi văn hóa chủ quyền tại vùng giáp ranh biên giới Việt Nam - Trung Quốc”. Lễ hội đình Trà Cổ được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 4590/QĐ-BVHTTĐ ngày 20/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Ngọc Mai, 2020). Đây vừa là vinh dự, là niềm tự hào, cũng là sự nhắc nhở mỗi người dân Trà Cổ, chính quyền địa phương biết trân trọng

những gì cha ông để lại, có trách nhiệm bảo tồn nét văn hóa độc đáo lễ hội, phát huy các bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Thảo. (2017). *Lễ hội đình làng Cẩm Hải - độc đáo lễ hội của làng chài vùng than Cẩm Phả*. Truy cập ngày 15/11/2021, từ: <https://quangninh.gov.vn/donvi/tpcamp/a/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=12331>.
- Ngọc Mai. (2020). *Vinh danh 2 di sản lễ hội truyền thống: Niềm tự hào đi cùng trách nhiệm*. Truy cập ngày 20/12/2021, từ <https://dulich.quangninh.gov.vn/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=1727>.
- Nguyễn Thị Phương Thảo. (2014). Những đặc trưng của lễ hội truyền thống ven biển Quảng Ninh. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, Số 361.
- Phan Thị Huệ. (2018). *Giáo trình Lễ hội truyền thống tiêu biểu Quảng Ninh*. Thái Nguyên: Nxb. Đại học Thái Nguyên.
- Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ninh. (2005). *Báo cáo kết quả Dự án sưu tầm lễ hội đình Trà Cổ*.
- Thu Hằng. (2020). *Lễ hội Đình Bình Ngọc, nét đặc sắc văn hóa vùng biển Đông Bắc*. Truy cập ngày 05/9/2021, từ <https://mongcai.gov.vn/vi-vn/tin/le-hoi-dinh-binh-ngoc--net-dac-sac-van-hoa-vung-bien-dong-bac/86129-76890-37838>.
- Trần Tương. (2021). *Lễ hội Đình Trà Cổ, nét đặc sắc văn hóa Việt nơi địa đầu Tổ Quốc*. Truy cập ngày 10/12/2021, từ <https://mongcai.gov.vn/vi-vn/tin/le-hoi-dinh-tra-co-net-dac-sac-van-hoa-viet-noi-dia-dau-to-quo/963373-58053-929649>.
- Trần Tương. (2021). *Lễ hội đình Tràng Vỹ, Di tích văn hóa, cốt lõi vùng biển nơi biên ải*. Truy cập ngày 15/12/2021, từ <https://mongcai.gov.vn/vi-vn/tin/le-hoi-dinh-trang-v%E1%BB%B9---di-tich-van-hoa--cot-moc-vung-ben-noi-bien-ai/86129-8440-618141>.